

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26-8-2020
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vàng A Hý
2. Ông Thùng Văn Liên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lò Văn Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Thào Thị S, sinh năm: 1984, có mặt.

Địa chỉ: Bản B, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* Anh Sùng Văn C, sinh năm: 1980, có mặt.

Địa chỉ: Bản B, xã A, huyện N, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 7 năm 2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thào Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Thào Thị S và anh Sùng Văn Chính do không hiểu biết pháp luật nên đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân là do anh chị tình tính không hợp nhau và anh C thường xuyên uống rượu, không chăm lo cho gia đình. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể chung sống được với nhau nên anh chị đã sống ly thân từ tháng 4/2020 cho đến nay. Hiện tại tình cảm hai bên không còn, không ai quan tâm đến ai. Vì vậy, chị

S đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Chính.

Về nuôi con chung: Chị Thảo Thị S và anh Sùng Văn Chính có 04 con chung, nhưng đứa con lớn là cháu Sùng A T, sinh ngày 08/5/2003 không may mắc bệnh hiểm nghèo đã chết vào tháng 4/2020 nên chị S không đề nghị giải quyết nuôi con chung đối với cháu T. Hiện tại, anh chị có 03 con chung chưa thành niên là cháu Sùng Minh H, sinh ngày 14/8/2006; Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 và Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014. Sau khi ly hôn, chị S có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Sùng Thu H cho đến khi thành niên và giao 02 con chung là cháu Sùng Minh H, Sùng Thị S cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên.

Tại văn bản ghi ý kiến của 02 con chung ngày 16/7/2020, các con Sùng Minh H và Sùng Thị S đều có nguyện vọng sống cùng với anh Sùng Văn C. Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2020, chị S và anh C cũng nhất trí thỏa thuận là: Chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014 cho đến khi thành niên và anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Sùng Minh H, sinh ngày 14/8/2006; Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 cho đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị S và anh C thỏa thuận hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị S và anh C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2020, cũng như tại phiên tòa anh Sùng Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C thống nhất với lời trình bày của chị S về quan hệ hôn nhân, thời gian anh chị chung sống như vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị tính tình không hợp nhau nên trong cuộc sống gia đình thường xuyên cãi vã, hai bên có những mâu thuẫn, hiểu lầm nhau không thể hòa giải được. Nay chị S yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị và anh, anh cũng nhất trí với yêu cầu của ly hôn chị S.

Về nuôi con chung: Anh Sùng Văn C và chị Thảo Thị S có 04 con chung nhưng con cả là cháu Sùng A T, sinh ngày 08/5/2003 đã chết vào tháng 4/2020. Hiện tại, anh chị có 03 con chung chưa thành niên là cháu Sùng Minh H, sinh ngày 14/8/2006; Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 và Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014. Anh C có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu Sùng Minh H và Sùng Thị S cho đến khi thành niên. Anh chị đã thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung và hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung tại phiên hòa giải ngày 31/7/2020.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh C và chị S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con do nguyên đơn là chị Thảo Thị S khởi kiện theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn anh Sùng Văn C hiện đang cư trú tại bản B, A, huyện N, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Điện Biên.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị S và anh C đều thừa nhận do không hiểu biết pháp luật nên đã tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2001, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, tuy có đầy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh chị không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...*". Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh C không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của chị Thảo Thị S*: Chị S và anh C đều thừa nhận do anh chị tính tình không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Hiện tại tình cảm giữa chị S và anh C không còn, không ai quan tâm đến ai, gia đình không hạnh phúc. Xét thấy, nguyên nhân mâu thuẫn làm cho tình cảm của chị S và anh C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình "*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...*". Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S, tuyên bố không công nhận chị S và anh C là vợ chồng.

[4] *Về nuôi con chung*: Chị Thảo Thị S và anh Sùng Văn C có 04 con chung, tuy nhiên con lớn là cháu Sùng A T, sinh ngày 08/5/2003 không may mắc bệnh hiểm nghèo đã chết vào tháng 4/2020 nên anh, chị không đề nghị giải quyết nuôi con chung đối với cháu Sùng A T. Hiện tại, anh chị có 03 con chung chưa thành niên là cháu Sùng Minh H , sinh ngày 14/8/2006; Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 và Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014. Tại biên bản hòa giải ngày 31/7/2020 chị S và anh C đã nhất trí thỏa thuận là: Chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014 cho đến khi thành niên; anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Sùng Minh H , sinh ngày 14/8/2006 và Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 cho đến khi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, chị S và anh C thỏa thuận hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa, chị S và anh C vẫn giữ nguyên sự thỏa thuận, Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự phù hợp quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của 02 con chung là Sùng Minh H và Sùng Thị S. Căn

cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của chị S và anh C.

[5] *Về tài sản chung, nợ chung*: Do nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Thảo Thị S có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm vì chị S là đồng bào dân tộc thiểu số (dân tộc Mông) sống tại A, huyện N, tỉnh Điện Biên là xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và hộ gia đình chị S là hộ nghèo (Giấy chứng nhận hộ nghèo số 112/GCN-HN, ngày 21/01/2020 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện N cấp cho hộ gia đình anh Sùng Văn C). Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn chị Thảo Thị S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo Thị S và anh Sùng Văn C.

2. *Về nuôi con chung*: Công nhận sự thỏa thuận của chị Thảo Thị S và anh Sùng Văn C như sau: Chị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Sùng Thu H, sinh ngày 03/7/2014 cho đến khi thành niên. Anh C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Sùng Minh H, sinh ngày 14/8/2006 và Sùng Thị S, sinh ngày 15/7/2009 cho đến khi thành niên.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con: Chị S và anh C không phải cấp dưỡng cho con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn chị Thào Thị S được miễn án phí dân sự sơ thẩm do là đồng bào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn và hộ gia đình chị S là hộ nghèo.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Phòng KTNV & THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã A;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sao

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vàng A Hý

Thùng Văn Liên

Phạm Thị Sao

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiếp

Hạng A Sáng

Vàng Thị Dưa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện N;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Nà Hỳ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thành